

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Văn
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 400/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thị N, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Kim P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18-7-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lưu Thị N trình bày:

Bà có tham gia hụi do chị Ngô Thị Kim P làm chủ thảo từ nhiều năm. Hiện nay chị P còn nợ bà tiền hụi của các dây hụi gồm:

Dây thứ nhất: hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-5-2021 gồm 13 phần mãn ngày 10-5-2022. Bà tham gia 01 phần, tên trong danh sách hụi viên là “N” và dây hụi này bà chưa hốt. Bà đóng tiền hụi đầy đủ đến tháng 01-2022 thì

ngưng do chị P không tiếp tục khai và gom hụi. Tổng số tiền hụi bà đã đóng bao nhiêu bà không nhớ, do tin tưởng chị P nên bà không ghi lại nhưng khoảng 23.200.000 đồng;

Dây thứ hai: hụi 500.000 đồng/02 tuần bắt đầu mở ngày 05-5-2021 gồm 41 phần, khai vào ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, mần ngày nào không biết. Bà tham gia 02 phần, tên trong danh sách hụi viên là “N” đều chưa hốt. Bà đóng tiền hụi đầy đủ đến tháng 01-2022 thì ngưng do chị P không tiếp tục khai và gom hụi. Tổng số tiền hụi bà đã đóng bao nhiêu bà không nhớ nhưng tính theo giá hụi mần là 23.000.000 đồng;

Dây thứ ba: hụi 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-4-2020 gồm 25 phần, mần ngày 10-4-2022, bà tham gia 02 phần tên “N”, cả 02 phần bà đều chưa hốt. Bà đóng hụi đầy đủ đến tháng 01-2022 thì ngưng do chị P không tiếp tục khai và gom hụi. Tổng số tiền hụi bà đã đóng bao nhiêu bà không nhớ nhưng tính theo giá hụi mần là 45.000.000 đồng.

Việc chị P bị bẻ hụi đã không thông báo cho bà biết, bà cũng không biết chị P đã ngưng khai tất cả các dây hụi từ tháng 11-2021. Vào tháng 01-2022, chị P có nhờ bạn là Võ Thị Kim T đến nhà gom 02 tháng tiền hụi của tháng 12-2021 và tháng 01-2022 với số tiền là 8.650.000 đồng theo giấy ghi tiền hụi bằng mực màu tím. Mặc dù chị P không gọi điện hay trực tiếp kêu bà đóng hụi cho chị T nhưng vì nhìn mặt chữ bà nhận ra chữ của chị P và chị T là bạn của chị P nên bà đã giao tiền hụi theo giấy hụi cho chị T.

Ngoài ra, vào tháng 11-2021 chị P có dẫn bạn tên Võ Thị Kim T đến nhà bà hỏi vay tiền, khoảng 01 tháng sau bà có giao số tiền 25.000.000 đồng cho chị P vay, hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, góp mỗi ngày 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Khi vay không có làm giấy tờ gì mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau và cũng không có ai chứng kiến việc bà giao tiền cho chị P vay. Sau khi vay, chị P không góp được ngày nào mà trả lãi hàng tháng. Chị P trả lãi được 02 tháng với số tiền 1.250.000 đồng/tháng bằng cách trừ tiền hụi mà bà phải đóng.

Tại phiên tòa, bà N thống nhất với số tiền hụi đã đóng cho 03 dây hụi đến tháng 10-2021 như chị P trình bày. Bà N yêu cầu chị P trả cho bà số tiền hụi có lãi (tính theo giá hụi mần) là 65.750.000 đồng và 25.000.000 đồng tiền vay. Bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền nợ hụi so với đơn khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 04-12-2023 và trong quá trình giải quyết, bị đơn chị Ngô Thị Kim P trình bày:

Chị thừa nhận bà N có tham gia 03 dây hụi như bà N trình bày là đúng. Do dịch Covid nên vào tháng 8, 9-2021 chị không có tổ chức khai tất cả các dây hụi và có thông báo đến tất cả các hụi viên biết. Đến khi hết dịch, vào tháng 10-2021 chị mới mở lại các dây hụi nhưng có người đóng và người không đóng hụi. Do chị không có khả năng choàng hụi cho các hụi viên không đóng nên chị ngưng khai tất cả các dây hụi từ tháng 11-2021 và có thỏa thuận chị sẽ trả lại tiền hụi đã đóng cho các hụi viên. Riêng bà N chị không gặp nên không thông báo cho bà N biết việc chị ngưng khai hụi. Tất cả các phần hụi mà bà N tham

gia, bà N đều chưa hót và bà N có đóng tiền hụi đến tháng 10-2021. Với số tiền cụ thể là: Dây 1.000.000 đồng/tháng đóng được 17 kỳ với số tiền là 22.420.000 đồng; Dây 2.000.000 đồng/tháng đóng được 04 kỳ với số tiền là 6.550.000 đồng; Dây 500.000 đồng/02 tuần đóng được số tiền 5.700.000 đồng.

Từ tháng 11-2021 chị đã ngưng khai hụi nên không có gom tiền hụi và cũng không nhờ ai gom tiền hụi dùm chị nên việc bà N cho rằng đóng hụi cho chị đến tháng 01-2022 là không đúng. Tổng cộng bà N đã đóng hụi cho chị được số tiền là 34.670.000 đồng, chị đồng ý trả cho bà N số tiền này. Ngoài ra, chị không có vay tiền của bà N nên chị không đồng ý trả khoản tiền nợ vay 25.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N.

Chị thừa nhận chữ viết ghi tại Tờ giấy ghi bằng mực màu tím mà bà N cung cấp là chữ của chị nhưng chị không thừa nhận tờ giấy này chị viết là tính tiền hụi cho bà N và chị cũng không thừa nhận có nhờ chị T đến nhà bà N gom tiền hụi theo tờ giấy này cho chị.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 71, 72, 73, 92, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị N đối với chị Ngô Thị Kim P.

Buộc chị P trả cho bà N số tiền hụi là 57.130.000 đồng (gồm 43.320.000 đồng tiền hụi và 13.810.000 đồng tiền lãi từ tháng 02-2022 đến ngày xét xử).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền hụi 8.620.000 đồng (gồm 5.810.000 đồng tiền nợ hụi và 2.810.000 đồng tiền lãi từ tháng 02-2022 đến ngày xét xử) và 25.000.000 đồng tiền nợ vay.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 25.450.000 đồng do bà Lưu Thị N Thay đổi yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

- Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền nợ hụi:

Thực tế, bà Lưu Thị N có tham gia 03 dây hụi do chị Ngô Thị Kim P làm chủ thảo như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bà N và chị P không thống nhất được số tiền hụi mà bà N đã đóng.

[1.1] Qua thu thập chứng cứ, bà N và chị P thống nhất số tiền hụi mà bà N đã đóng từ khi bắt đầu mở hụi đến tháng 10-2021 của từng dây hụi như sau:

Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-5-2021: tính đến tháng 10-2021 bà N đã đóng được số tiền 6.550.000 đồng;

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 05-5-2021 và ngày 20-5-2021: tính đến tháng 10-2021 bà N đã đóng được số tiền 5.700.000 đồng;

Hụi 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10-4-2020, bà N tham gia 02 phần: tính đến tháng 10-2021 bà N đã đóng được số tiền 22.420.000 đồng.

Tổng cộng là 34.670.000 đồng.

[1.2] Theo chị P, từ tháng 11-2021 do không có khả năng choàng hụi nên chị đã tuyên bố bế hụi và ngưng khai tất cả các dây hụi do chị làm chủ cũng như không gom tiền hụi của các hụi viên. Còn bà N thì cho rằng có đóng tiền hụi cho chị P đến tháng 01-2022.

[1.2.1] Tại giấy tính tiền hụi (bút lục số 22), chị P thừa nhận chữ viết ghi tại giấy tính tiền hụi này là do chị ghi và tính tiền hụi của bà N, nhưng chị P lại cho rằng chị không tổ chức khai hụi, cũng không gom tiền hụi của các hụi viên từ tháng 11-2021. Tuy nhiên, tại giấy tính tiền hụi cho bà N (bút lục số 22) có thể hiện tiền hụi phải đóng của tháng 11-2021, được hiểu cụ thể như sau:

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 5 tây hàng tháng kê 170.000 đồng, đóng 660.000 đồng/02 phần;

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 20 tây hàng tháng kê 170.000 đồng, đóng 660.000 đồng/02 phần;

Hụi 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 400.000 đồng, đóng 1.200.000 đồng/02 phần;

Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 500.000 đồng, đóng 1.500.000 đồng.

Tổng số tiền hụi phải đóng của tháng 11-2021 là 3.960.000 đồng.

[1.2.2] Và tại giấy tính tiền hụi (bút lục số 23), chị P thừa nhận chữ viết ghi tại giấy tính tiền hụi này là do chị ghi, nhưng chị P lại cho rằng giấy tính tiền hụi ghi bằng mực màu tím này không phải chị tính tiền hụi của bà N và chị P cũng cho rằng đã ngưng khai hụi, gom tiền hụi của hụi viên từ tháng 11-2021 nhưng 03 dây hụi được ghi trong giấy tính tiền hụi ghi bằng mực màu tím (bút lục số 23) trùng khớp với 03 dây hụi mà bà N tham gia và giấy tính tiền hụi này chị P cũng ghi rõ là tháng 12-2021 và tháng 01-2022. Do đó, lời khai của chị P là không hợp lý.

* Tiền hụi tháng 12-2021 được tính như sau:

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 5 tây hàng tháng kê 160.000 đồng, đóng 680.000 đồng/02 phần;

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 20 tây hàng tháng kê 160.000 đồng, đóng 680.000 đồng/02 phần;

Hụi 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 350.000 đồng, đóng 1.300.000 đồng/02 phần nhưng theo giấy hụi tính thành 1.350.000 đồng;

Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 500.000 đồng, đóng 1.500.000 đồng;

Tổng số tiền hụi thực tế phải đóng của tháng 12-2021 là 4.160.000 đồng nhưng giấy hụi lại tính thành 4.390.000 đồng.

* Tiền hụi tháng 01-2022 được tính như sau:

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 5 tây hàng tháng kê 180.000 đồng, đóng 640.000 đồng/02 phần;

Hụi 500.000 đồng/02 tuần khai ngày 20 tây hàng tháng kê 160.000 đồng, đóng 680.000 đồng/02 phần;

Hụi 1.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 380.000 đồng, đóng 1.240.000 đồng/02 phần;

Hụi 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 10 tây hàng tháng kê 500.000 đồng, đóng 1.500.000 đồng;

Tổng số tiền hụi phải đóng của tháng 01-2022 là 4.060.000 đồng nhưng theo giấy hụi lại tính thành 4.260.000 đồng.

[1.2.3] Qua thu thập chứng cứ, người làm chứng chị Võ Thị Kim T cũng xác định sau thời gian dịch Covid - 19 bùng phát, chị P có nhờ chị đến nhà gom tiền hụi của bà N thay chị P theo giấy tính tiền hụi mà chị P giao, mặc dù chị P không thừa nhận nhưng giữa các đương sự không có mâu thuẫn, chị P cũng không chứng minh được giấy tính tiền hụi này không phải là giấy tính tiền hụi của bà N. Hơn nữa là bà N đã giữ và cung cấp được các giấy tính tiền hụi nói trên.

Từ nhận định tại các mục [1.2.1], [1.2.2] và [1.2.3], có căn cứ xác định bà N có đóng tiền hụi cho chị P từ tháng 11-2021 đến tháng 01-2022 như bà N trình bày với tổng số tiền là 12.610.000 đồng.

Từ nhận định tại các mục [1.1], [1.2] thì tổng số tiền hụi mà bà N đã đóng cho chị P từ khi bắt đầu khai các dây hụi đến tháng 01-2022 là 47.280.000 đồng.

[1.3] Bà N yêu cầu tính tiền lãi theo giá hụi mãi nhưng chị P không đồng ý. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N nên cần xem xét tính tiền lãi của số tiền mà chị P còn nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

Về thời gian tính lãi: bà N đóng tiền hụi đến tháng 01-2022 nhưng bà N không chứng minh được ngày đóng tiền hụi cho chị P nên Hội đồng xét xử xét thấy cần tính lãi từ ngày 01- 02-2022 đến khi giải quyết vụ án là phù hợp. Và tiền lãi được tính như sau:

$47.280.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 25 \text{ tháng} = 9.850.000 \text{ đồng}.$

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền nợ hụi, buộc chị P có trách nhiệm trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 57.130.000 đồng theo quy định tại các điều 468 và 417 của Bộ luật Dân sự và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần tiền nợ vay:

Qua thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, chị P đều không thừa nhận có vay của bà N số tiền 25.000.000 đồng và bà N cũng không chứng minh được đã cho chị P vay số tiền nói trên như bà N đã trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền nợ vay là phù hợp.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận và bà N phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 218, 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị N đối với chị Ngô Thị Kim P.

Buộc chị Ngô Thị Kim P trả cho bà Lưu Thị N số tiền 57.130.000 (*Năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi nghìn*) đồng, trong đó, tiền nợ họ là 47.280.000 (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng và tiền lãi là 9.850.000 (*Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi Thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị N đối với số tiền nợ họ và lãi là 8.620.000 (*Tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn*) đồng và tiền nợ vay 25.000.000 (*Hai mươi lăm triệu*) đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà N đối với số tiền họ 25.450.000 (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn*) đồng.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị P phải chịu 2.856.500 (*Hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm*) đồng.

Bà N phải chịu 1.681.000 (*Một triệu sáu trăm tám mươi một nghìn*) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000 (*Hai triệu sáu trăm*

hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0013272 ngày 06 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Hoàn trả cho bà N số tiền 944.000 (Chín trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Cương